

HÓA ĐƠN ĐI CHỢ

Bữa ăn: Sáng - Trưa - Xế (Sáng - Trưa - Phụ - Xế)
Độ tuổi: Mẫu giáo (3 - 6 tuổi)
Số trẻ: 134

Số tiền mỗi trẻ: 37,000

Thực đơn:
Sáng: Phở trộn hải sản (tôm, mực, rau xà lách, giá, hẹ lá, hings quế, su su, ớt chuông đỏ)
- Uống sữa Netsure
Trưa: Cơm trắng
- Thịt gà xé khía nước dừa, hành lá, ngò rí
- Canh thịt heo nấu bí xanh, nấm đùi gà, hành lá, ngò rí
- Bông cải xanh luộc
Xế: Bánh flan
Xế chiều: Bún cá thác lác, nấm rơm, cà chua, củ cải, hành phi, thơm, ngò gai, rau muống

Stt	Mã hàng	Tên thực phẩm	Khối lượng thực (g)	Đơn giá (đồng/100g)	Thành tiền (đồng)
	* CHỢ				
1	0695	Dầu thực vật Tường An	700	3,140	21,980
2	0494	Đường cát	1,200	3,880	46,560
3	N0966	Muối lạt	800	740	5,920
4	0522	Nước mắm cá (loại đặc biệt)	1,000	6,160	61,600
5	0523	Nước mắm loại I	800	4,400	35,200
6	0004	Gạo tẻ máy	7,000	2,560	179,200
7	0164	Rau mùi (ngò rí)	350	8,930	31,255
8	0120	Hành lá (hành hoa)	350	8,400	29,400
9	0119	Hành tím (hành củ tươi)	200	6,300	12,600
10	0185	Tỏi ta	100	7,460	7,460
11	N0850	Mỡ heo sống	500	10,300	51,500
12	0645	Bánh phở khô	3,100	8,800	272,800
13	0118	Giá đậu xanh	600	2,730	16,380
14	0124	Hẹ lá	150	6,090	9,135
15	0158	Rau húng	150	12,920	19,380
16	0143	Ớt chuông đỏ	600	11,030	66,180
17	0172	Rau xà lách	400	9,140	36,560
18	0180	Su su	600	4,100	24,600
19	0632	Mực ống	800	33,500	268,000
20	0424	Tôm sú	1,000	30,980	309,800
21	0537	Nước dừa non tươi	2,500	3,890	97,250
22	N0772	Thịt ức gà	3,500	12,920	452,200
23	0084	Bí đao (bí xanh)	3,600	5,460	196,560
24	0635	Nấm đùi gà	700	11,450	80,150

25	0365	Thịt heo (nạc vai)	1,300	17,850	232,050
26	0182	Bông cải xanh (súp lơ)	1,100	9,770	107,470
27	0653	Bún khô	2,100	4,950	103,950
28	0087	Cà chua	1,400	7,670	107,380
29	0103	Củ cải trắng	600	3,150	18,900
30	0211	Nấm rom	400	14,180	56,720
31	0165	Rau mùi tàu (ngò gai)	150	6,510	9,765
32	0748	Rau muống	600	5,040	30,240
33	0226	Khóm (Dứa ta)	1,500	2,940	44,100
34	0386	Cá thác lác	1,500	28,350	425,250
35	0457	Sữa bột toàn phần	4,185.49	20,500	858,025
36	N0925	Bánh Flan caramel cao cấp	4,288	14,750	632,480
Tổng cộng					4,958,000

Tổng tiền thực phẩm	4,958,000
Tổng chi phí khác	0
Tiền được chi trong ngày	4,957,999
Số dư đầu ngày	-1
Số dư cuối ngày	-1
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng	0
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng	35,372,000
Tiền chi lũy kế từ đầu tháng	35,372,001

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

CẤP DƯỠNG

KẾ TOÁN

Nguyễn Thị Huỳnh Lê

Nguyễn Thị Mỹ

Ngô Thị Ngọc Lan